

DANH SÁCH SINH VIÊN T T NGHI P I H C

**H HOÀN CH NH KI N TH C I H C - HÌNH TH C GIÁO D CT XA
 NGÀNH QU N TR KINH DOANH, KHÓA H C: 2005-2008; L P: QT105B3**

(Kèm theo Q s : 116/Q - T&KHCN ngày 19/12/2009 c a Giám c H c vi n)

TT	Mã SV	H và tên	Ngày sinh	N i sinh	i m TBC toàn khóa	X p lo i t t nghi p	Ghi chú
1	105306082	Tr n Lan Anh	08/12/1970	Qu ng Ninh	7.91	Khá	
2	105301052	oàn V n Bài	27/01/1964	Thái Bình	6.45	TB Khá	
3	105302232	ào Th Bình	07/10/1957	H i Phòng	8.10	Gi i	
4	105300272	Lê V n B	02/09/1963	Tuyên Quang	6.79	TB Khá	
5	105306122	Ngô Th Ph ng Cúc	02/02/1972	Qu ng Ninh	8.50	Gi i	
6	105304962	Nguy n Th H ng Giang	07/10/1974	Hà Nam	8.46	Gi i	
7	105306112	Bùi Th Giang	03/06/1966	Qu ng Ninh	7.99	Khá	
8	105306052	Lê Th Thanh Hà	10/02/1972	Qu ng Ninh	8.32	Gi i	
9	105301252	Lê Ng c H i	15/09/1958	Nam nh	6.25	TB Khá	
10	105304942	Tr n Th Hoa	22/05/1965	V nh Phúc	6.94	TB Khá	
11	105306002	V Th Hoa	06/05/1969	H ng Yên	7.37	Khá	
12	105306322	V Th Nh Hoa	02/04/1972	Hà N i	6.70	TB Khá	
13	105306102	oàn Th Hu	11/10/1966	H i Phòng	7.77	Khá	
14	105304922	V Quang H ng	04/11/1971	V nh Phúc	8.36	Gi i	
15	105300512	Bùi Th Thu H ng	25/01/1976	Hà Nam	8.46	Gi i	
16	105305662	Nguy n Th Thanh H ng	22/11/1972	Qu ng Ninh	7.94	Khá	
17	105306072	Bùi Th Thanh Huy n	01/09/1964	Qu ng Ninh	7.52	Khá	
18	105304932	Nguy n Th L ng	20/07/1960	Hà N i	6.13	TB Khá	
19	105303002	Ph m Th Thanh Mai	12/06/1969	Hà Nam	7.99	Khá	
20	105300902	Hoàng V n Ngh	20/11/1969	B c K n	6.65	TB Khá	
21	105301062	V Th Kim Oanh	21/10/1971	Lai Châu	8.40	Gi i	
22	105306012	Ph m Th Ki u Oanh	21/10/1972	Qu ng Ninh	7.69	Khá	
23	105307902	Nguy n Th Phi Oanh	12/11/1966	Bình Thu n	8.31	Gi i	
24	105306402	Tr n Th M Phúc	14/08/1977	Hà Nam	7.56	Khá	
25	105300462	Nguy n Th Tám	14/07/1971	Hà Nam	7.31	Khá	
26	105303152	inh Th Song Thanh	09/02/1974	Hà Nam	8.15	Gi i	

TT	Mã SV	H và tên	Ngày sinh	N i sinh	i m TBC toàn khóa	X p lo i t t nghi p	Ghi chú
27	105300262	Nguy n Th Ph ng Tho	20/12/1978	Tuyên Quang	7.87	Khá	
28	105306092	Bùi Kim Thoa	25/05/1967	Qu ng Ninh	7.83	Khá	
29	105300242	oàn Anh Th	01/10/1957	Tuyên Quang	7.12	Khá	
30	105301892	Nguy n Th Th ng	10/01/1972	Lào Cai	8.41	Gi i	
31	105301822	Nguy n Th Thanh Th y	13/11/1974	Hà Nam	7.98	Khá	
32	105308002	ng Th Thuyên	01/02/1972	Hà N i	7.20	Khá	
33	105301072	ng Th Ti n	06/10/1968	i n Biên	7.13	Khá	
34	105308222	Tr ng c Tỉnh	10/05/1969	Qu ng Tr	7.27	Khá	
35	105304902	D ng Xuân Toán	08/09/1966	Hà N i	7.69	Khá	
36	105301242	oàn Th Trinh	01/12/1969	Hà Nam	8.32	Gi i	
37	105300182	D ng V n Tr c	14/06/1955	Tuyên Quang	7.30	Khá	
38	105301882	Tr n Ng c Trung	10/03/1966	Lào Cai	8.60	Gi i	
39	105305672	Ph m H u Trung	20/01/1972	H i Phòng	7.48	Khá	
40	105300252	Nguy n Th Tuy t	15/07/1968	Tuyên Quang	7.28	Khá	
41	105303302	Vi Th H i Y n	13/10/1971	Lai Châu	8.30	Gi i	
42	105307952	Nguy n Th H i Y n	04/09/1972	Ngh An	8.51	Gi i	

Danh sách g m: 42 sinh viên t t nghi p. Trong ó:

- 14 sinh viên x p lo i Gi i
- 21 sinh viên x p lo i Khá
- 7 sinh viên x p lo i Trung bình Khá

**K.T GIÁM C
PHÓ GIÁM C**

TS. Lê H u L p (ã ký)